



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1725>

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC NAM BỘ, VIỆT NAM

My Trần Hương Trà

Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

Email: huongtra@sgu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 24/12/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/01/2026; Ngày duyệt đăng: 19/01/2026

Tóm tắt

Hoạt động dạy học là hoạt động quan trọng trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục. Đánh giá được thực trạng hoạt động dạy học để có những điều chỉnh trong quản lý hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục là có tính cấp thiết, có ý nghĩa thực tiễn. Bài viết sử dụng nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận (phân tích, so sánh, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa) để xây dựng cơ sở lý luận của hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở trường đại học. Trên cơ sở đó sử dụng kết hợp phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và thống kê toán học để phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. Kết quả cho thấy, hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục gồm: hoạt động giảng dạy của giảng viên (chuẩn bị cho giảng dạy, thực hiện giảng dạy - giờ lên lớp, các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy); hoạt động học tập của học viên và vận dụng phương thức dạy học trực tuyến trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam đều được đánh giá ở mức độ "Khá", các trường đã chú trọng đến dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục. Tuy nhiên, kết quả ấy cũng cho thấy còn nhiều vấn đề cần đổi mới, cải tiến, nhất là trong bối cảnh đột phá phát triển giáo dục và đào tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển, bứt phá của đất nước.

Từ khóa: *Đào tạo trình độ thạc sĩ, hoạt động dạy học, khu vực Nam Bộ, Việt Nam, quản lý giáo dục, trường đại học.*

Trích dẫn: My, T. H. T. (2025). Hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 315-329. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1725>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES IN MASTER'S PROGRAMS IN EDUCATIONAL MANAGEMENT AT UNIVERSITIES IN SOUTHERN VIETNAM

My Tran Huong Tra

Office of Graduate Affairs, Saigon University, Vietnam

Email: huongtra@sgu.edu.vn

Article history

Received: 24/12/2025; Received in revised form: 05/01/2026; Accepted: 19/01/2026

Abstract

Teaching and learning activities constitute a core component of master's programs in Educational Management. Assessing the current status of these activities to inform appropriate managerial adjustments aimed at improving teaching quality in master's programs in Educational Management is both urgent and practical relevance. This study employs methods of analysis, comparison, synthesis, classification, and systematization to establish the theoretical foundations of teaching and learning activities in master's of Educational Management programs at universities. Thus, a mixed-methods approach combining questionnaire surveys, in-depth interviews, and mathematical statistical analysis is used to examine and evaluate these current activities in master's programs in Educational Management at universities in Southern Vietnam. The findings indicate that the target task in these programs include lecturers' teaching activities (including teaching preparation, classroom instruction, and teaching support activities), students' learning activities, and the application of online teaching modalities. Overall, these components were evaluated at a "Good" level, suggesting that universities in Southern Vietnam have paid considerable attention to the task under discussion. Nevertheless, the results also reveal a number of issues that require further innovation and improvement, particularly in the context of major reforms and breakthroughs in education and training aimed at fostering national development.

Keywords: *Master's programs, teaching and learning activities, Southern Vietnam, educational management, universities.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh "giáo dục và đào tạo vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực then chốt cho sự phát triển bứt phá của đất nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025, tr. 1), nâng cao chất lượng đào tạo là vấn đề quan trọng hàng đầu của các trường đại học. Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục (QLGD) là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục. CBQL giáo dục không chỉ đơn thuần là người quản trị các hoạt động trong nhà trường, mà còn là kiến trúc sư và người truyền lửa cho sự phát triển của nhà trường. Sự thành công của mọi hoạt động nâng cao chất lượng và đổi mới giáo dục và đào tạo đều phụ thuộc vào phẩm chất, năng lực, tầm nhìn và sự quản trị hiệu quả của đội ngũ này. Do vậy, nâng cao chất lượng dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD là nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL giáo dục ở trình độ cao trong các trường đại học là vấn đề quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Tuy quan trọng và cấp thiết nhưng chưa có các nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu, đánh giá khách quan về hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. Bài viết trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học; trên cơ sở đó tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam và đề xuất một số khuyến nghị về những vấn đề liên quan, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục và đào tạo.

Ở Việt Nam, ngành QLGD được đào tạo ở cả 3 trình độ: đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Trình độ thạc sĩ ngành QLGD có mã ngành 8140114, thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục (81401) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017), là trình độ bậc 7 trong khung 8 bậc trình độ Quốc gia Việt Nam về lĩnh vực khoa học/ hoạt động QLGD. Hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD bao gồm các hoạt động cơ bản: xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; tuyển sinh; hoạt động dạy học; đánh giá kết quả học tập; thực hiện luận văn/ đề án tốt nghiệp, mà cơ sở đào tạo thực hiện để giúp người học có trình độ cao về lý luận quản lý và QLGD; có kỹ năng thực hành tốt trong lĩnh vực QLGD; có năng lực nghiên cứu khoa học nhất định. Trong các hoạt động cơ bản nêu trên, bài viết đề cập đến hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

1. Kết quả nghiên cứu

2.1. Hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục

Hoạt động dạy học là một hoạt động chính trong hoạt động đào tạo ở trường đại học. Theo Trần & cs. (2014, tr. 116): "Hoạt động dạy học là hoạt động tương tác, phối hợp và thống nhất giữa hoạt động chủ đạo của giáo viên và hoạt động tự giác, tích cực, chủ động của học sinh nhằm thực hiện mục tiêu dạy học". Tương tự, về dạy học ở trường đại học, Trần (2016, tr. 18) quan niệm: "Quá trình dạy học đại học là quá trình tương tác giữa người dạy và người học, trong đó dưới sự tổ chức và điều khiển của người dạy, người học tích cực, chủ động, độc lập thực hiện các hoạt động nhận thức, thực hành nhằm lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách người kỹ sư, người chuyên gia, đáp ứng yêu cầu xã hội". Cùng quan niệm như trên, nhưng các tác giả khác nhau diễn đạt khác nhau: "Dạy học bao gồm hai hoạt động: hoạt động dạy và hoạt động học. Hai hoạt động này luôn gắn bó mật thiết với nhau, tồn tại cho nhau và vì nhau" (Luu, 2000, tr. 65). Dạy học "là sự thống nhất chặt chẽ giữa hoạt động dạy và hoạt động học. Thầy và trò vừa là chủ thể, vừa là đối tác trong dạy học" (Đặng, 2012, tr. 10).

Như vậy, có thể hiểu hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở trường đại học có thể xem gồm hai hoạt động: *hoạt động giảng dạy của giảng viên* và *hoạt động học tập của học viên*. Ngoài ra, trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế trong giáo

dục, một vấn đề cần đề cập trong hoạt động dạy học ở trường đại học là phương thức dạy học trực tuyến. Cùng với phương thức dạy học trực tiếp, truyền thống, *phương thức dạy học trực tuyến* (Online Learning) ngày càng trở nên cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động dạy học tại các trường đại học hiện nay.

2.1.1. Hoạt động giảng dạy của giảng viên

Lý luận dạy học hiện đại đề cao vai trò trung tâm và phát huy năng lực nhận thức của người học, nhưng không phủ nhận tầm quan trọng của giảng viên trong dạy học. Trong hoạt động dạy học, hoạt động giảng dạy của giảng viên giữ vai trò chủ đạo (thông qua tổ chức, dẫn dắt, điều khiển, định hướng hoạt động dạy học), có ý nghĩa đặc biệt đối với việc đảm bảo chất lượng dạy học. Theo Nguyễn và Nguyễn (2019, tr. 56), “Thực trạng hoạt động dạy của giảng viên được đánh giá trên ba mặt: thực hiện quy chế đào tạo, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập của học viên”. Lý luận dạy học theo lý thuyết dạy và học với các đại diện Paul Heimann, Gunter Otto, Wolfgang Schulz (được trích dẫn bởi Bernd & Nguyễn, 2016, tr. 57) phân biệt 4 yếu tố quyết định và 2 yếu tố điều kiện đối với hoạt động dạy học mà giảng viên phải đưa ra, bao gồm: a) Những yếu tố quyết định: Việc dạy và học cần phải đạt được mục tiêu nào? Đề tài và nội dung của tiết học là gì? Cần phải áp dụng những phương pháp nào? Cần sử dụng những phương tiện nào để đạt được mục tiêu đó? b) Những yếu tố điều kiện: những điều kiện về mặt con người (những điều kiện này liên quan đến các điều kiện cá nhân của người học: tuổi tác, kiến thức đã có, kinh nghiệm, cách học, ...), giảng viên hầu như không thể ảnh hưởng đến những điều kiện này; những điều kiện về mặt văn hóa – xã hội (những điều kiện này được xác định bởi những đặc trưng của toàn bộ xã hội: các giá trị trong xã hội, vai trò của đàn ông và phụ nữ trong xã hội, quan hệ giữa trường học và gia đình). Một cách khác nhưng không mâu thuẫn với cách tiếp cận trên và tập trung vào hoạt động giảng dạy của giảng viên, có thể xác định: để hoạt động giảng dạy trong giáo dục đại học đạt hiệu quả, giảng viên cần thực hiện tốt các hoạt động: mô tả được học phần mình đảm nhận (vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính của học phần); xác định rõ mục tiêu học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ); xác định cụ thể các chuẩn đầu ra của học phần (mô tả cụ thể từng chuẩn đầu ra, kí hiệu từng chuẩn đầu ra, xác định trình độ năng lực của từng chuẩn đầu ra); xây dựng được nội dung chi tiết của học phần/ nội dung dạy học (nội dung các chương, mục và chương mục ấy đáp ứng cho chuẩn đầu ra nào của học phần); xác định học liệu phục vụ cho dạy học (tài liệu tham khảo, thiết bị, phương tiện dạy học); tổ chức tốt hoạt động dạy học (ở mỗi chương, mục phải xác định được hình thức, phương pháp dạy học phù hợp; xác định được yêu cầu đối với học viên để việc dạy học có kết quả tốt); xác định phương pháp đánh giá học phần (đánh giá trong quá trình dạy học, đánh giá cuối học phần); và xác định được các yêu cầu khác đối với việc dạy học học phần (nếu có). Hàm chứa các nội dung nêu trên, nhưng xem xét ở góc độ quá trình và mở rộng cho các hoạt động hỗ trợ, quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động giảng dạy của giảng viên mà các trường cần quan tâm, hoạt động giảng dạy của giảng viên có thể được xem xét các hoạt động sau:

a. Chuẩn bị cho giảng dạy

Chuẩn bị cho giảng dạy của giảng viên và những vấn đề liên quan đến chuẩn bị giảng dạy của giảng viên, gồm:

- Phân công giảng viên phụ trách các học phần: công việc đầu tiên trong hoạt động giảng dạy của giảng viên là việc phân công giảng dạy của ngành đào tạo. Căn cứ trình độ, năng lực, sở trường của giảng viên và quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo tổ chức phân công giảng dạy cho giảng viên. Giảng viên được phân công giảng dạy phải đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Phân công giảng dạy cho giảng viên cần thực hiện dân chủ, công khai, phát huy được năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế

độ làm việc của giảng viên. Kế hoạch phân công giảng dạy trong năm học phải được khoa, trường phê duyệt và công khai.

- Kế hoạch mở nhóm/ lớp, lịch dạy, lịch thi: căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa và kế hoạch năm học, ngành đào tạo xây dựng kế hoạch mở nhóm/ lớp học phần cho từng học kì. Kế hoạch mở nhóm/ lớp học phần phải tuân thủ các điều kiện dạy học học phần (học phần học trước/ học phần tiên quyết/ học phần song hành) và có khối lượng hợp lý cho mỗi học kì. Kế hoạch mở nhóm, lớp cần được công khai, được sự thống nhất của tập thể giảng viên của ngành đào tạo và phê duyệt của khoa, nhà trường.

Căn cứ kế hoạch mở nhóm/ lớp của học kì, ngành đào tạo phối hợp với các phòng chức năng trong trường bố trí lịch dạy (thời khóa biểu giảng dạy), lịch thi theo quy định chung chung của trường và thông tin đến giảng viên.

- Bố trí thời khóa biểu giảng dạy: do học viên cao học ngành QLGD phần lớn là những người đang công tác ở các cơ sở giáo dục, nên thời khóa biểu giảng dạy, ngoài việc bị chi phối bởi các điều kiện thực hiện của giảng viên, của ngành đào tạo, của khoa, trường, rất cần chú ý đến đặc điểm, điều kiện học tập của học viên, tạo điều kiện cho học viên có thể tham gia tốt các buổi học.

- Chuẩn bị cho các tiết lên lớp của giảng viên: chuẩn bị cho các tiết lên lớp của giảng viên là rất quan trọng. Trong quá trình chuẩn bị cho các tiết lên lớp, giảng viên cần bám sát đề cương chi tiết học phần. Chuẩn bị bài lên lớp, thiết kế bài lên lớp (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức, tài liệu, phương tiện dạy học) phải tương thích, đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần. Đồng thời, giảng viên cần chuẩn bị tâm thế tốt cho các tiết lên lớp để kết quả giảng dạy có thể đạt được tốt nhất.

- Cập nhật và nâng cao chất lượng đề cương chi tiết học phần: Chất lượng đề cương chi tiết học phần là chất lượng xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức, tài liệu, phương tiện dạy học, cách đánh giá kết quả học tập của học phần. Đề cương chi tiết học phần được tổ chức biên soạn, thẩm định tốt và luôn được đánh giá, cập nhật là cơ sở quan trọng để thực hiện giảng dạy tốt. Ngoài ra, "Đề cương chi tiết học phần phải thể hiện được tính chủ động, sáng tạo bằng cách giảm bớt thời gian trên lớp cho người học, kết hợp tự học, học online, tự nghiên cứu. Như vậy, việc sắp xếp thời gian học tập của học viên sẽ linh động và thuận lợi hơn" (Nguyễn & cs, 2019, tr. 34).

b. Thực hiện giảng dạy (giờ lên lớp)

Thực hiện giờ lên lớp là hoạt động quan trọng của giảng viên. Để có thể đảm bảo chất lượng giảng dạy, giảng viên cần chú ý một số vấn đề sau:

- *Thông tin đề cương chi tiết cho học viên*: giảng viên khi lên lớp cần thông tin ngắn gọn các vấn đề cơ bản (mục tiêu, cấu trúc nội dung, phương pháp dạy học, đánh giá, các yêu cầu khác, ...) trong đề cương chi tiết học phần cho học viên.

- *Thông tin, cung cấp tài liệu học tập cho học viên*: việc cung cấp, chia sẻ trực tiếp các tài liệu học tập cho học viên đối với đào tạo nguồn nhận lực ở trình độ cao là rất cần thiết và quan trọng.

- *Thực hiện thời gian lên lớp đúng quy định*: thực hiện tốt thời gian lên lớp theo thời khóa biểu để đảm bảo kỉ cương, nề nếp dạy học là yếu tố quan trọng đảm bảo chất lượng dạy học.

- *Tổ chức và quản lý lớp học*: tổ chức, quản lý lớp học là các biện pháp duy trì nề nếp dạy học, tạo sự tương tác hiệu quả giữa giảng viên và học viên trong dạy học, phát huy sự chủ động của học viên trong học tập, ... Tổ chức, quản lý lớp học tốt để bảo đảm và nâng cao chất lượng dạy học. Tổ chức và quản lý lớp học cần chú trọng theo hướng: "Hoạt động dạy và học

thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Điều 6).

- *Đảm bảo nội dung dạy học*: giảng viên cần bám sát đề cương chi tiết học phần để đảm bảo nội dung giảng dạy, nhằm đạt được chuẩn đầu ra và mục tiêu của học phần, môn học. Tuy nhiên, đảm bảo nội dung dạy học không có nghĩa là giảng viên phải trình bày đầy đủ các nội dung trong đề cương chi tiết học phần, mà giảng viên cần thể hiện tốt vai trò chủ đạo của mình, vai trò chủ động của học viên, chú trọng hoạt động hướng dẫn học viên tự nghiên cứu, tự học,... để chiếm lĩnh tri thức, đảm bảo nội dung dạy học.

- *Thực hiện các phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực*: là thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo xu thế tiếp cận năng lực. Đây là xu thế mà giáo dục trên thế giới hướng tới nhằm mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Phương pháp dạy học theo định hướng tiếp cận năng lực (Competency-Based Education - CBE) là một trong những đổi mới quan trọng tại các trường đại học tiên tiến. CBE tập trung vào kết quả học tập đầu ra và khả năng người học vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn. Thực hiện các phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực cần thể hiện rõ vai trò dẫn dắt, chủ đạo của giảng viên, vai trò chủ động trong nhận thức của học viên.

- *Vận dụng các hình thức giảng dạy theo quan điểm người học là trung tâm*: trong đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực người học, quan điểm người học là trung tâm thể hiện rõ rệt mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học trong hoạt động dạy học. "Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Điều 6).

- *Tương tác giữa giảng viên và học viên trong giờ lên lớp*: để tránh dạy học theo lối truyền thụ một chiều, tương tác giữa giảng viên và học viên trong dạy học là cần thiết, quan trọng. Tương tác tốt tạo được không khí lớp học thân thiện, nâng cao hiệu quả dạy học.

- *Hỗ trợ học viên trong quá trình giảng dạy*: cần nhấn mạnh sự hỗ trợ học viên của giảng viên trong quá trình dạy học. Sự hỗ trợ, giải đáp thắc mắc của giảng viên thể hiện vai trò chủ đạo, định hướng của giảng viên trong dạy học. Hỗ trợ học viên là một phần thiết yếu và xuyên suốt trong quá trình giảng dạy của giảng viên ở trường đại học. Sự hỗ trợ hiệu quả giúp học viên vượt qua khó khăn, tối đa hóa tiềm năng và đạt được kết quả học tập tốt nhất. Để hỗ trợ học viên được tốt, giảng viên cần chú ý: giải đáp thắc mắc, phản hồi kịp thời; cung cấp tài liệu học tập thiết thực, đa dạng; hỗ trợ kỹ năng học tập; khuyến khích hợp tác; xây dựng không khí học tập thân thiện; ...

- *Hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu*: hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu là hoạt động không thể thiếu của giảng viên trong hoạt động giảng dạy ở trình độ thạc sĩ, góp phần quan trọng biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Để thực hiện điều này, giảng viên cần chú ý: thể hiện được vai trò cố vấn cho học viên; khuyến khích và tôn trọng sự sáng tạo của học viên; chia sẻ kinh nghiệm cá nhân với học viên;...

c. Các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy

Các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy có thể kể, bao gồm:

- *Nghiên cứu khoa học của giảng viên*: giảng viên không thể giảng dạy tốt nếu không thực hiện nghiên cứu khoa học. "Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020, Điều 5). Nghiên cứu khoa học của giảng viên thể hiện ở các công bố khoa học hàng năm của giảng viên, sự tham gia của giảng viên trong thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và tham gia hướng dẫn luận án, luận văn cho người học sau đại học ngành QLGD.

- *Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học*: lấy ý kiến người học về điều kiện đảm bảo chất lượng và hoạt động giảng dạy của giảng viên cần được cơ sở đào tạo thực hiện nghiêm túc, theo quy định. "Trong quá trình dạy học, người học cũng có thể đánh giá người dạy các vấn đề như thực hiện đúng, đủ theo nội dung chương trình, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập, có hướng tới mục tiêu học phần hay không, kể cả tinh thần, trách nhiệm và giờ giấc làm việc, tương tác với người học trước và sau khi học" (Nguyễn & cs, 2019, tr. 33). Thu thập thông tin từ người học phải được thực hiện chính thức, có hệ thống. Thông tin phản hồi phải được phân tích, sử dụng hiệu quả để cải tiến chất lượng dạy học.

- *Thông tin đến giảng viên ý kiến phản hồi của người học*: thông tin cần thiết, kịp thời đến giảng viên ý kiến phản hồi của người học giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

2.1.2. Hoạt động học tập của học viên

Người học với vai trò trung tâm của hoạt động dạy học, chủ động, tích cực, năng động trong hoạt động nhận thức. "Học viên phải thực hiện kế hoạch đào tạo chủ động, tích cực, đúng quy định. Trong quá trình học tập phải thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao nghiêm túc; phát huy vai trò tự học, tự nghiên cứu, phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết vấn đề; chủ động hợp tác với giảng viên; chủ động khai thác các nguồn học liệu, phương tiện kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập. Chú trọng khía cạnh đạo đức trong học tập và nghiên cứu" (Nguyễn (2019, tr. 46). Điều quan trọng trong hoạt động học tập của học viên là: "Học không chỉ là học kiến thức mà quan trọng là học phương pháp học" (Vũ, 2014, tr. 19).

Như vậy, với tư cách là chủ thể của quá trình nhận thức, điểm mấu chốt trong hoạt động học của người học là phải chủ động, tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức, cần tương tác tốt với giảng viên trong các hoạt động dạy của giảng viên, nhằm đạt được các chuẩn đầu ra đã quy định trong chương trình. Có thể khái quát các nội dung cơ bản trong hoạt động học tập của học viên và các vấn đề liên quan đến hoạt động học tập của học viên, gồm:

- *Tổ chức đăng kí môn học/ học phần ở từng học kì*: Tổ chức đăng kí môn học/ học phần luôn gắn liền với kế hoạch mở nhóm/ lớp ở từng học kì. Các hoạt động này cần được quan tâm tổ chức khoa học, chặt chẽ, giúp học viên chủ động học tập (đăng kí học theo tiến độ, học vượt, học lại, ...), học theo kế hoạch của cá nhân, phù hợp với quy định.

- *Chủ động học tập theo kế hoạch của cá nhân*: người đăng kí dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD phần lớn là CBQL giáo dục thuộc các cơ sở giáo dục, họ vừa làm việc vừa kết hợp học tập để nâng cao trình độ. Do vậy, tính chủ động học tập theo kế hoạch cá nhân cần được đề cao. Một mặt, người học cần chủ động trong kế hoạch học tập của mình, mặt khác cơ sở đào tạo cần tạo điều kiện để người học có thể chủ động học tập theo kế hoạch của mình.

- *Thực hiện thời gian lên lớp học tập theo thời khóa biểu*: đào tạo theo hệ thống tín chỉ không bắt buộc người học phải lên lớp theo thời khóa biểu một cách triệt để. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng dạy học, học viên cần quan tâm thực hiện thời gian lên lớp học tập theo thời khóa biểu quy định.

- *Thực hiện các yêu cầu của giảng viên trong học tập*: để chuẩn bị tốt cho các giờ lên lớp, giảng viên thường yêu cầu học viên có sự chuẩn bị nhất định: đọc trước, nghiên cứu trước tài liệu, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuẩn bị cho thuyết trình, ... Học viên cần thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên trong học tập để đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học.

- *Tự học, tự nghiên cứu của học viên trong học tập*: đào tạo trình độ thạc sĩ là đào tạo ở trình độ cao nên tự học, tự nghiên cứu của học viên trong học tập là bắt buộc, có ý nghĩa tích

cực biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, nhằm đạt được mục tiêu đào tạo.

- *Tham gia các hoạt động học tập trên lớp*: tương tác với giảng viên, xây dựng bài học, thảo luận nhóm, thuyết trình, ... Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả của việc học viên tham gia các hoạt động học tập trên lớp phụ thuộc nhiều vào kỹ năng tổ chức, hướng dẫn của giảng viên.

- *Tham gia hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học*: người học có trách nhiệm tham gia nghiêm túc, hiệu quả hoạt động thu thập thông tin từ người học của nhà trường. Tránh tình trạng trả lời ý kiến khảo sát một cách hình thức, chiếu lệ.

2.1.3. Phương thức tổ chức dạy học

Yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi số đòi hỏi các trường đại học quan tâm đến phương thức dạy học trực tuyến. Dạy học trực tuyến là cần thiết trong dạy học ở trường đại học, giúp giảng viên và học viên thu xếp việc dạy và học thích hợp, linh hoạt, không cần phải đến trường, giảm thiểu chi phí và thời gian đi lại; giúp trường đại học nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc tế, tối ưu hóa nguồn lực và phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập đa dạng của xã hội; ... Tuy nhiên, dạy học trực tuyến có những hạn chế, thách thức nhất định: yêu cầu về thiết bị và kết nối internet ổn định trong quá trình dạy học, môi trường học tập dễ ảnh hưởng đến sự tập trung của người học, yêu cầu về kỹ năng số đối với người dạy và người học;...

Do có ưu điểm, hạn chế, thách thức nêu trên nên các trường đại học *cần kết hợp giữa dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp ở một mức độ hợp lý*.

2.2. Thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. Nội dung khảo sát gồm hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động học tập của học viên và việc sử dụng phương thức dạy học trực tuyến trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam. Dữ liệu về thực trạng thu thập từ 7/9 trường đại học có đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD tại khu vực Nam Bộ, Việt Nam (Đại học Sài Gòn, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thủ Dầu Một, Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang, Đại học Cần Thơ). Thời điểm khảo sát: tháng 3-4/2025. Sử dụng kết hợp phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu.

Khảo sát bằng bảng hỏi với mẫu khảo sát gồm 558 người, chia làm ba nhóm: nhóm CBQL gồm 21 CBQL (04 ban giám hiệu, 11 CBQL khoa/ phòng/ ban và 6 trưởng/ phó bộ môn QLGD); nhóm giảng viên, chuyên viên gồm 64 người (51 giảng viên có tham gia đào tạo ngành QLGD và 13 chuyên viên liên quan trực tiếp đến đào tạo sau đại học); nhóm học viên gồm 473 học viên cao học ngành QLGD (215 học viên đang học, 258 cựu học viên). Ở nhóm CBQL và nhóm giảng viên – chuyên viên số lượng khách thể khảo sát thực tế được chọn ước tính khá gần với giá trị thực; ở nhóm học viên, do không xác định được quy mô tổng thể nên theo Trần và Võ (2016, tr. 16) kích thước mẫu xác định theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \cdot p(1 - p)}{e^2}$$

trong đó, n: kích thước mẫu cần xác định; Z: giá trị phân phối tương ứng với độ tin cậy lựa chọn; p: tỷ lệ ước lượng của đặc tính trong tổng thể (chọn p=0.5); e: sai số cho phép (lấy e = 0.05), cỡ mẫu sẽ được tính là:

$$n = \frac{1,96^2 \cdot 0,5(1 - 0,5)}{0,05^2} = 384,2$$

Như vậy số lượng học viên được khảo sát là $473 \geq 385$ là đảm bảo độ tin cậy và sai số mong muốn. Bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức, đo mức độ đạt được tăng dần từ 1 điểm đến 5 điểm, với quy ước: 1 điểm: kém, 2 điểm: yếu, 3 điểm: trung bình, 4 điểm: khá, 5 điểm: tốt; sử dụng phần mềm SPSS Statistics Version 22.0 để tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), thứ bậc (TB) và xếp loại (XL). Về ĐTB, ở thang đo 5 mức, giá trị thấp nhất (Min) = 1 điểm; giá trị cao nhất (Max) = 5 điểm; giá trị của mỗi mức ĐTB trong khoảng: (Max – Min) : 5 = (5 – 1) : 5 = 0,8. Do vậy, thang đánh giá ĐTB (mức ý nghĩa của các giá trị trung bình) là: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Kém; $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$: Yếu; $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$: Trung bình; $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$: Khá; $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$: Tốt.

Phỏng vấn sâu: 2 CBQL (mã hóa là QL1, QL2), 2 giảng viên (mã hóa là GgV1, GgV2), 2 chuyên viên (mã hóa là CV1, CV2), 2 học viên đang học (mã hóa HV1, HV2), và 3 cựu học viên (mã hóa là CHV1, CHV2, CHV3).

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD trong các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam ở ba nhóm: CBQL, giảng viên-chuyên viên và học viên được ghi nhận ở Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam

Nội dung hoạt động dạy học	Mức độ đạt được (ĐTB)						
	CBQL	Giảng viên- chuyên viên	Học viên	Tổng hợp			
				ĐTB	ĐLC	TB	XL
Hoạt động giảng dạy của giảng viên							
<i>a) Chuẩn bị cho giảng dạy</i>							
1. Phân công giảng viên phụ trách các học phần	3,95	4,23	4,03	4,05	0,36	3	Khá
2. Kế hoạch mở nhóm/ lớp, lịch dạy, lịch thi.	4,00	4,19	4,02	4,04	0,36	4	Khá
3. Bố trí thời khóa biểu giảng dạy.	4,05	4,16	4,02	4,04	0,33	4	Khá
4. Chuẩn bị cho các tiết lên lớp của giảng viên	4,19	4,20	4,08	4,09	0,36	1	Khá
5. Chất lượng đề cương chi tiết học phần.	4,14	4,17	4,04	4,06	0,41	2	Khá
Chung	4,07	4,19	4,04	4,06	0,37		Khá
<i>b) Thực hiện giảng dạy (giờ lên lớp)</i>							
6. Thông tin đề cương chi tiết cho	4,00	4,23	4,06	4,08	0,41	4	Khá

Nội dung hoạt động dạy học	Mức độ đạt được (ĐTB)						
	CBQL	Giảng viên- chuyên viên	Học viên	Tổng hợp			
				ĐTB	ĐLC	TB	XL
học viên.							
7. Thông tin, cung cấp tài liệu học tập cho học viên.	3,95	4,09	4,08	4,08	0,40	4	Khá
8. Thực hiện thời gian lên lớp đúng quy định.	4,10	4,13	4,11	4,11	0,40	1	Khá
9. Tổ chức và quản lý lớp học.	4,14	4,20	4,08	4,10	0,40	2	Khá
10. Đảm bảo nội dung dạy học.	4,05	4,22	4,06	4,08	0,46	4	Khá
11. Thực hiện các phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực.	4,19	4,22	4,05	4,07	0,42	10	Khá
12. Vận dụng các hình thức giảng dạy theo quan điểm người học là trung tâm	4,05	4,23	4,06	4,08	0,45	4	Khá
13. Tương tác giữa giảng viên và học viên trong giờ lên lớp	3,95	4,19	4,07	4,08	0,43	4	Khá
14. Hỗ trợ học viên trong quá trình giảng dạy.	4,29	4,20	4,08	4,10	0,42	2	Khá
15. Hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu.	4,19	4,22	4,05	4,08	0,43	4	Khá
Chung	4,09	4,19	4,07	4,09	0,42		Khá
<i>c) Các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy</i>							
16. NCKH của giảng viên.	4,05	4,00	0,41	4,09	0,45	2	Khá
17. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người.	4,14	4,14	0,42	4,09	0,47	2	Khá
18. Thông tin đến giảng viên ý kiến phản hồi của người học.	4,19	4,16	0,45	4,10	0,49	1	Khá
Chung	4,13	4,10	4,09	4,09	0,47		Khá
Hoạt động học tập của học viên							
19. Tổ chức đăng ký môn học/ học phần ở từng học kỳ.	4,19	4,00	4,21	4,19	0,64	1	Khá
20. Chủ động học tập theo kế hoạch của cá nhân.	3,90	3,89	4,02	4,00	0,38	8	Khá
21. Thực hiện thời gian lên lớp học tập theo thời khóa biểu.	4,00	4,22	4,08	4,09	0,41	2	Khá

Nội dung hoạt động dạy học	CBQL	Giảng viên-chuyên viên	Học viên	Mức độ đạt được (ĐTB)			
				Tổng hợp			
				ĐTB	ĐLC	TB	XL
22. Thực hiện các yêu cầu của giảng viên trong học tập.	4,10	4,00	4,05	4,05	0,42	4	Khá
23. Tự học, tự nghiên cứu của học viên trong học tập.	3,95	3,89	4,04	4,02	0,41	7	Khá
24. Tham gia các hoạt động học tập trên lớp	3,95	4,14	4,06	4,06	0,38	3	Khá
25. Tham gia hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học.	4,00	4,13	4,03	4,04	0,41	6	Khá
Chung	4,01	4,04	4,07	4,06	0,45		Khá
Về phương thức tổ chức dạy học							
26. Mức độ kết hợp giữa dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp	4,05	3,95	4,19	4,16	0,65		Khá

Kết quả khảo sát ghi nhận ở Bảng 1 cho thấy: mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD đều được đánh giá ở mức "Khá", với ĐTB (tổng hợp) dao động từ 4,00 đến 4,19; độ lệch chuẩn (ĐLC) của các nội dung khảo sát dao động trong khoảng từ 0,33 (nội dung 3 – nd3) đến 0,65 (nd 26), chứng tỏ các ý kiến trả lời khá tập trung, có độ phân tán ít, có sự đồng thuận tương đối cao trong đánh giá của các nhóm khách thể khảo sát. Kết quả chung nêu trên cho thấy các hoạt động dạy và học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD đạt được những mục tiêu cơ bản, có sự cân bằng và ổn định trong toàn bộ quá trình dạy và học. Không có nội dung nào được đánh giá ở mức độ "Tốt", cho thấy kết quả đạt được chưa được như mong đợi, nhất là trong bối cảnh giáo dục và đào tạo đang đòi hỏi có những đổi mới, phát triển đột phá. Các trường đại học cần rà soát, có sự cải tiến, đổi mới nhất định trong hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD.

Về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Trong 03 nhóm nội dung của hoạt động giảng dạy của giảng viên (chuẩn bị cho giảng dạy, thực hiện giảng dạy (giờ lên lớp), các hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy), nhóm nội dung "*Chuẩn bị cho giảng dạy*" được đánh giá thấp nhất (ĐTB chung: 4,06), cho thấy công tác chuẩn bị của ngành QLGD, của trường và của giảng viên chưa được tối ưu hóa. Đáng chú ý là "*Chuẩn bị cho các tiết lên lớp của giảng viên*" (4,09) và "*Chất lượng đề cương chi tiết học phần*" (4,06) được đánh giá cao nhất trong nhóm này. Nhóm giảng viên-chuyên viên luôn có mức đánh giá cao nhất cho các mục chuẩn bị giảng dạy. Điều này có thể do họ là những người trực tiếp thực hiện và nhìn nhận nỗ lực của mình trong công tác này. Nhóm CBQL và học viên có mức đánh giá tương đối đồng đều và thấp hơn giảng viên-chuyên viên. Điểm cần lưu ý là mặc dù điểm khá cao, nhưng cần xem xét các yếu tố cụ thể trong việc chuẩn bị giảng dạy để đảm bảo tính đổi mới, cập nhật kiến thức, đặc biệt trong bối cảnh QLGD luôn có sự thay đổi.

Các nội dung về thực hiện giảng dạy (giờ lên lớp) của giảng viên được đánh giá ở mức độ "Khá", ĐTB tổng hợp từ 4,07 đến 4,11. Các yếu tố được đánh giá cao nhất là "Thực hiện

thời gian lên lớp đúng quy định" (4,11) và "Tổ chức và quản lý lớp học" (4,10), cùng với "Hỗ trợ học viên trong quá trình giảng dạy" (4,10) cho thấy nề nếp, phong cách dạy học của giảng viên về cơ bản được đảm bảo. Nhóm giảng viên-chuyên viên tiếp tục có mức đánh giá cao nhất cho hầu hết các nội dung. Điều này thể hiện sự tự tin và nỗ lực của giảng viên trong việc thực hiện giờ lên lớp. Tuy nhiên, điểm ĐTB của học viên thường thấp hơn giảng viên-chuyên viên và CBQL ở một số mục quan trọng như "Thực hiện các phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực người học" (học viên: 4,05 trong khi giảng viên-chuyên viên: 4,22), "Vận dụng các hình thức giảng dạy theo quan điểm người học là trung tâm" (học viên: 4,06 trong khi giảng viên-chuyên viên: 4,23), và "Hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu" (học viên: 4,05 trong khi giảng viên-chuyên viên: 4,22). Điều này cho thấy người học mong muốn và kì vọng hơn nữa ở các giờ lên lớp của giảng viên.

Các nội dung về hoạt động hỗ trợ cho giảng dạy có ĐTB tổng hợp là 4,09, xếp loại "Khá". Nội dung "Thông tin đến giảng viên ý kiến phản hồi của người học" được đánh giá cao nhất (4,10) cho thấy cơ chế phản hồi tương đối hiệu quả. CBQL và giảng viên-chuyên viên có mức đánh giá khá đồng đều và cao hơn so với học viên ở mục NCKH của giảng viên hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy. Điểm cần lưu ý là dù có cơ chế phản hồi và được đánh giá khá cao nhưng điều quan trọng là các phản hồi này được sử dụng hiệu quả để cải thiện chất lượng giảng dạy một cách thực chất.

Điểm đáng chú ý là nhóm giảng viên-chuyên viên có xu hướng đánh giá mức độ đạt được cao hơn so với nhóm CBQL và nhóm học viên. Có thể giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy, họ cảm nhận được công việc, hoạt động của mình rõ ràng hơn và đánh giá ở mức độ cao hơn so với CBQL và học viên. Tuy nhiên, điều này cũng cho thấy cần có thêm các kênh, các cách thức đối thoại, tương tác giữa giảng viên, CBQL, học viên để thu hẹp khoảng cách giữa sự tự đánh giá của người dạy và cảm nhận thực tế của người học cũng như người quản lý.

Về hoạt động học tập của học viên

Các nội dung liên quan đến hoạt động học tập của học viên có ĐTB tổng hợp là 4,06, xếp loại "Khá" cho thấy các nội dung liên quan từ khâu đăng kí môn học/ học phần, học viên thực hiện các nhiệm vụ của mình trong học tập đến phản hồi với nhà trường về các vấn đề trong tổ chức học tập được thực hiện tương đối tốt.

Các nội dung được đánh giá cao là "Tổ chức đăng ký môn học/ học phần ở từng học kì" (TB 1/8), "Thực hiện thời gian lên lớp học tập theo thời khóa biểu" (TB 2/8), và "Tham gia các hoạt động học tập trên lớp" (TB 3/8), chứng tỏ hoạt động tổ chức đăng kí môn học/ học phần của học viên trong từng học kì được nhà trường quan tâm, tổ chức khoa học, học viên đăng kí học tập thuận lợi. Ý thức học tập của học viên khá tốt, thể hiện ở thời gian lên lớp theo thời khóa biểu và tham gia các hoạt động học tập trên lớp của học viên. Đây là những vấn đề quan trọng, phản ánh nề nếp dạy học ở các trường là khá kỉ cương, điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng.

Các nội dung được đánh giá thấp hơn là "Chủ động học tập theo kế hoạch cá nhân" (TB 8/8), "Tự học, tự nghiên cứu của học viên" (TB 7/8) và "Tham gia hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học" (TB 6/8). Kết quả này cho thấy việc chủ động học tập theo kế hoạch cá nhân chưa được chú trọng đúng mức, học viên thụ động học theo kế hoạch chung, thiếu cá nhân hóa trong hoạt động học tập. Điều này thể hiện "thói quen" chung trong hoạt động dạy học ở các trường: các trường ý chú trọng, khuyến khích học viên học theo kế hoạch riêng, học viên thường cố gắng thu xếp để học theo kế hoạch chung của trường, thuận lợi trong quản lý dạy học, nhưng giảm bớt tính linh hoạt trong đào tạo. Điểm đáng chú ý là ngành QLGD của các trường cần quan tâm về vấn đề tự học, tự nghiên cứu của học viên. Năng lực và hoạt động tự

học, tự nghiên cứu trong đào tạo ở trình độ cao (sau đại học) là rất quan trọng, là một trong những đặt trưng của đào tạo sau đại học, khi được đánh giá không cao thể hiện nhiều vấn đề cần cải tiến trong hoạt động đào tạo của ngành, của trường: từ mục tiêu, nội dung đến phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo. Đây là vấn đề cần suy nghĩ. Đào tạo trình độ thạc sĩ yêu cầu cao về năng lực tự học và nghiên cứu. Cần có các biện pháp để khuyến khích và hỗ trợ học viên phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu, không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ lịch trình và yêu cầu của giảng viên. Hoạt động tham gia lấy ý kiến phản hồi của người học ở các trường đôi khi được thực hiện còn hình thức, chưa phát huy được ý nghĩa tích cực, hiệu quả của phương thức phản hồi này trong việc cải tiến dạy học. Có thể vì lý do ấy nên lấy ý kiến phản hồi từ người học không được đánh giá cao.

Phân tích đánh giá của các nhóm khách thể khảo sát về hoạt động học tập của học viên, có thể thấy, đánh giá của nhóm CBQL là thấp nhất (ĐTB chung 4,01), đánh giá của nhóm học viên là cao nhất (ĐTB chung 4,07). Điều này cho thấy CBQL có yêu cầu cao hơn, khắt khe hơn và mong đợi nhiều hơn; trong khi nhóm học viên có phần tự đánh giá khích lệ hơn các nội dung có liên quan đến hoạt động học tập của mình.

Về phương thức tổ chức dạy học

Đánh giá mức độ kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp ở các trường đại học đạt mức độ "Khá" (ĐTB tổng hợp: 4.16) cho thấy các trường có quan tâm đến hình thức tổ chức dạy học trực tuyến, nhưng chưa được như mong muốn. Nhóm học viên đánh giá cao nhất về sự kết hợp này (ĐTB 4,19), điều này khá quan trọng vì họ là những người trực tiếp thụ hưởng và cảm nhận được sự tiện lợi, hiệu quả của phương thức blended learning. Nhóm giảng viên - chuyên viên có mức đánh giá thấp nhất (ĐTB 3,95) cho thấy họ mong đợi sự kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp được tổ chức tốt hơn. Điều này cho thấy các trường đại học cần có sự quan tâm, cải thiện, đột phá trong kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp trước thách thức của bối cảnh chuyển đổi số. Để dạy học trực tuyến thành công, các trường đại học cần đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng, đào tạo giảng viên và hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển kỹ năng tự học.

Kết quả phỏng vấn sâu đối với 11 khách thể phỏng vấn về thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD được ghi nhận như sau:

Hầu hết những người trả lời phỏng vấn đều nhận định: *công tác chuẩn bị giảng dạy và các hoạt động hành chính, tổ chức (như phân công, lên lịch, đăng ký môn học) được thực hiện khá tốt. Sự tuân thủ quy định về thời gian lên lớp, kỹ năng quản lý lớp học của giảng viên và ý thức học tập của phần lớn học viên là khá tốt. Cần tăng cường vận dụng phương thức dạy học trực tuyến, chú trọng kết hợp linh hoạt giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp.*

Một số ý kiến khác cần chú ý là: *Cần chú trọng nâng cao chất lượng đề cương chi tiết học phần và chất lượng giờ dạy (QL1, QL2, CV1, GgV1, GgV2). Quan tâm, đề cao việc tạo hứng thú học tập và NCKH cho học viên thông qua giờ dạy, hướng dẫn học viên NCKH (GgV2, CV2, CV1, HV1, CHV2, CHV3). Thông tin kịp thời cho giảng viên các phản hồi của người học; nhà trường cần đánh giá thận trọng, khách quan, công bằng các phản hồi của người học đối với giảng viên (GgV1, GgV2). Cần có biện pháp yêu cầu cao hơn nữa sự chuyên cần, tính chủ động của học viên trong học tập (QL2, GgV1, CV1, CV2, CHV 2, CHV3). Nhà trường cần chuẩn bị tốt điều kiện cho dạy học trực tuyến như đảm bảo cả giảng viên và học viên đều được trang bị các kỹ năng cần thiết để sử dụng hiệu quả các công cụ và nền tảng dạy học online (GgV2, CV2, HV1, CHV2, CHV3); giảng viên cần nắm vững việc thiết kế bài giảng số, quản lý lớp học online (QL1, QL2, HV1). Học viên cần được hướng dẫn cách truy cập tài liệu, làm bài, nộp bài, ... trong dạy học trực tuyến (GgV1, CV1, HV1, HV2, CHV1, CHV2).* Kết quả vấn sâu không mâu thuẫn với kết quả khảo sát thực trạng bằng bảng hỏi, các ý kiến

trả lời phỏng vấn về cơ bản phù hợp và làm rõ hơn các kết quả thu được qua phân tích bằng bảng hỏi.

Một cách khái quát, có thể thấy hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD ở các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam, nhìn chung đang ở mức "Khá"; có độ ổn định và tuân thủ các quy định. Tuy nhiên, cần quan tâm chú trọng một số điểm sau: nâng cao chất lượng đề cương chi tiết học phần; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực còn hạn chế, chưa thực chất, chưa mạnh mẽ và chưa đi vào chiều sâu; tuy giảng viên và học viên có trải nghiệm khác nhau về mô hình học tập kết hợp (trực tuyến, trực tiếp) nhưng các trường chưa đề cao và vận dụng hiệu quả phương thức dạy học kết hợp.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD trong các trường đại học khu vực Nam Bộ, Việt Nam cho thấy: hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện khá tốt ở cả ba giai đoạn: chuẩn bị, thực hiện và hỗ trợ giảng dạy; tuy nhiên những điểm được đánh giá yếu hơn, cần lưu ý là sử dụng các phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực, vận dụng các hình thức giảng dạy theo quan điểm người học là trung tâm, tương tác giữa giảng viên và học viên trong giờ lên lớp, hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu, ... Hoạt động học tập của học viên có sự phân hóa khá rõ giữa tính kỷ luật và tính chủ động trong học tập, các nội dung liên quan đến kỹ luật học tập được đánh giá cao hơn so với các nội dung thể hiện tính chủ động trong học tập của học viên. Sự kết hợp giữa dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp được quan tâm nhưng chưa được đánh giá cao, ...

Để có thể chuyển đổi chất lượng hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QLGD từ mức "Khá" lên mức "Tốt", các trường cần chú trọng một số vấn đề chính yếu sau: (1) Chú trọng đánh giá, cập nhật, thẩm định để nâng cao chất lượng đề cương chi tiết các học phần. (2) Có các giải pháp đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực: giảng viên giữ vai trò chủ đạo, học viên có vai trò chủ động, là trung tâm trong quá trình chiếm lĩnh, vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề; cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống, tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và học viên trong giờ lên lớp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học; (3) Cần xây dựng cơ chế, kỹ năng thúc đẩy tự học, tự nghiên cứu cho học viên, tích cực biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo; (4) Chú trọng kết hợp dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp; chuẩn bị tốt các điều kiện (về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; về học liệu; về giảng viên, học viên; về tổ chức, quản lý, đánh giá; ...) để dạy học trực tuyến hiệu quả, có chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- Bernd & Nguyễn, V. C. (2016). *Lý luận dạy học hiện đại – Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2017). Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT.
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2020). *Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học* (Ban hành theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT).
- Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2025). *Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* (Ban hành theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT).
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). *Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo* (Nghị quyết Số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025).

- Đặng, X. H. (2012). *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. Hà Nội: NXB Bách khoa.
- Lưu, X. M. (2000). *Lý luận dạy học đại học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. H., & Nguyễn, M. C. (2019). Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, Số 10A, 54-62.
- Nguyễn, T. H. (2019). *Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học Việt Nam hiện nay* (luận án tiến sĩ). Hà Nội: Học viện Quản lý giáo dục.
- Nguyễn, V. Đ., Hồ, S. T., Trương, T. Đ., & Phan, T. N. (2019). Bàn về hoạt động đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản lý giáo dục ở Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, Số 10A, 31-36.
- Trần, T. H. (Chủ biên), Nguyễn, Đ. D., Hồ, V. L., & Ngô, Đ. Q. (2014). *Giáo trình Giáo dục học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần, V. Đ., & Võ, V. T. (2016). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, V. H. (2016). *Lý luận dạy học đại học*. Huế: NXB Đại học Huế.
- Vũ, T. L. (2014). *Dạy học dựa vào nghiên cứu trường hợp ở đại học*. Hà Nội: NXB Bách khoa.